

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I ngành Răng Hàm Mặt

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I ngành Răng Hàm Mặt (kèm theo).

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Hea*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

# BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I NGÀNH RĂNG HÀM MẶT

(Ban hành kèm theo Quyết định số **297** /QĐ-ĐHYD ngày **17** tháng **2** năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

## I. Thông tin chung (General Information)

- Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
- Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
- Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I ngành Răng Hàm Mặt*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Odonto Stomatology.*
- Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
- Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
- Ngành đào tạo: *Răng Hàm Mặt*
- Mã ngành đào tạo: *CK 60.72.28*
- Thời gian đào tạo: *3 năm*
- Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
- Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
- Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I ngành Răng Hàm Mặt*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Odonto Stomatology.*

## II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sĩ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓		✓

<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng: chẩn đoán, xử trí các trường hợp cấp cứu và các bệnh Răng Hàm Mặt thông thường, thực hiện được các thủ thuật và việc lồng ghép công tác khám chữa bệnh với chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng bệnh; tổ chức được một phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt tuyến cơ sở; sử dụng thành thạo và biết cách bảo quản các trang thiết bị nha khoa.	✓	✓	✓
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓		✓
<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả chuẩn đầu ra</b> <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	<b>Phân loại</b>	
		<b>Chuẩn đầu ra chung</b>	<b>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</b>
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	

PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Răng Hàm Mặt.		✓
<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO 3	Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và thăm dò cận lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán và điều trị một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp.		✓
PLO 4	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và dự phòng một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp.		✓
PLO 5	Thực hiện thành thạo một số phẫu thuật, thủ thuật, kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị các bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên.		✓
PLO 6	Sử dụng thành thạo và biết cách bảo quản các thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị bệnh Răng Hàm Mặt theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.		✓
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Răng Hàm Mặt.	✓	
<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	✓	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Răng Hàm Mặt.		✓
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	✓	

#### IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	x	x								
PEO 2			x	x	x	x				
PEO 3							x			
PEO 4								x	x	x

#### V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

##### 1. Thông tin tuyển sinh

1. Yêu cầu về văn bằng: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Răng Hàm Mặt hoặc Bác sĩ Y khoa.

2. Yêu cầu về chuyên môn: Có chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn về Răng Hàm Mặt;

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

4. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

##### 2. Điều kiện tốt nghiệp

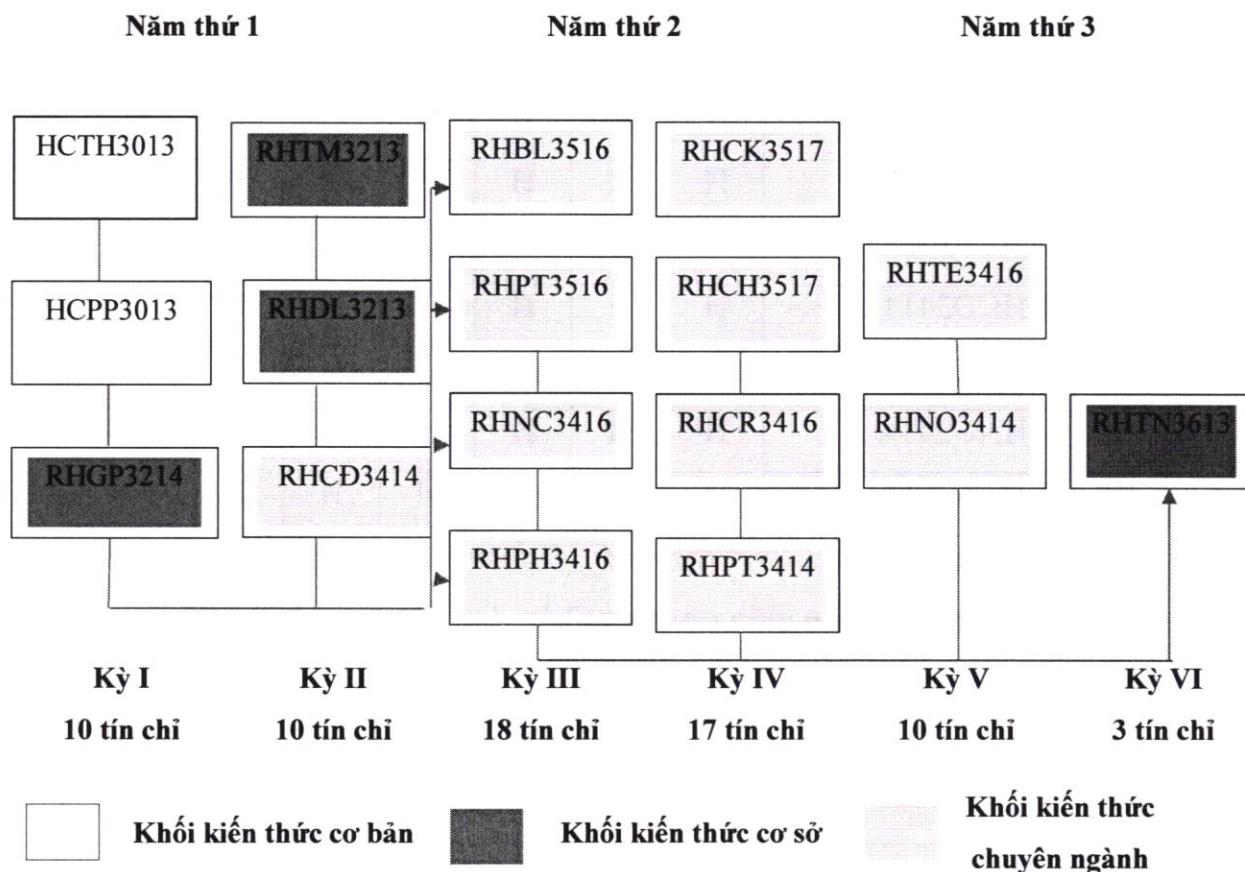
- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà trường

## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiền quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 6 (8,82%)</b>									
1	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 (14,71%)</b>									
3	RHGP3214	Giải phẫu đầu mặt cổ	4 (2/2)	30	60	110				1
4	RHTM3213	Tai Mũi Họng	3 (1/2)	15	60	75				2
5	RHDL3213	Da liễu	3 (1/2)	15	60	75				2
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 49 (72,06%)</b>									
<b>3.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 36 (52,94 %)</b>									
6	RHNC3416	Nha chu	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		3
7	RHPH3416	Phục hình	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		3
8	RHCR3416	Chữa răng và nội nha	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		4
9	RHPT3414	Phẫu thuật hàm mặt	4 (2/2)	30	60	110		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		4
10	RHCĐ3414	Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa	4 (2/2)	30	60	110		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		2

11	RHTE3416	Răng trẻ em	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		5
12	RHNO3414	Nha cộng đồng	4 (2/2)	30	60	110		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		5
<b>3.2</b>	<b>Học phần/module tự chọn: 13 (19,12%). Chọn 2 trong 4 học phần</b>									
13	RHBL3516	Bệnh lý miệng	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		3
14	RHCK3517	Cẩn khớp học	7 (3/4)	45	120	185		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		4
15	RHPT3516	Phẫu thuật trong miệng	6 (2/4)	30	120	150		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		3
16	RHCH3517	Chỉnh hình răng mặt	7 (3/4)	45	120	185		RHGP3214, RHTM3213, RHDL3213		4
<b>IV</b>	<b>Tốt nghiệp: 3 (4,41%)</b>									
17	RHTN3613	Ôn và thi tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75				6

## VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



## VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP/ module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	HCTH3013	H						M	M	M	M
2	HCPP3013	H	M			H		H			
3	RHGP3214		H		H						
4	RHTM3213		H		H						
5	RHDL3213		H		H						
6	RHBL3516		H	H	H	H	H	H	M	M	M
7	RHCK3517		H	H	H	H	H	H	M	M	M
8	RHPT3516		H	H	H	H	H	H	M	M	M
9	RHCH3517		H	H	H	H	H	H	M	M	M
10	RHNC3416		H	H	H	H	H	H	M	M	M



TT	Mã HP/ module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
11	RHPH3416		H	H	H	H	H	H	M	M	M
12	RHCR3416		H	H	H	H	H	H	M	M	M
13	RHPT3414		H	H	H	H	H	H	M	M	M
14	RHCĐ3414		H	H	H	H	H	H	M	M	M
15	RHTE3416		H	H	H	H	H	H	M	M	M
16	RHNO3414		H	H	H	H	H	H	M	M	M
17	RHTN3613	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

### IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	x	x			x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Bảng kiểm			x	x		x	x	x	x	x
Giảng bên giường bệnh			x			x	x	x	x	x
Tình huống lâm sàng			x	x	x	x	x	x	x	x

### X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

#### 1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	2,3,4,7,8,9,10	Thực hiện thời gian biểu, thực hiện chỉ tiêu	10%
KTTX	2,3,4,5,6,7,8	Kiến thức: bằng phương pháp trắc nghiệm, tự luận Kỹ năng: Vấn đáp dựa trên bảng kiểm kèm theo Rubric	10%
Thi GHP	2,3,4,5,6,7,8	Kiến thức: phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận Kỹ năng: Vấn đáp dựa trên bảng kiểm kèm theo Rubric	30%
Thi KTHP	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Kiến thức bằng phương pháp chấm chuyên đề. Kỹ năng bằng phương pháp vấn đáp trên bảng kiểm kèm theo Rubric	50%

## 2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tự luận	x	x	x	x	x					
Bài tập tình huống	x	x	x	x	x					
Báo cáo chuyên đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x
Báo cáo thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x
Thi LT tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thi TH tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## XI. Đối sánh (Benchmarking)

### 1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT.

Mô tả	Trường ĐHYD Thái Nguyên		Trường ĐHYD Hải Phòng		Trường ĐHYD Huế	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	6	8,8	20	24,4	20	20,0
Kiến thức cơ sở ngành	10	14,7	5	18,3	11	11,0
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	36	52,9	32	39,0	49	49,0
Kiến thức chuyên ngành tự chọn	13	19,2	4	4,8		
Tốt nghiệp	3	4,4	21	13,5	20	20,0
<b>Tổng</b>	<b>68</b>	<b>100</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

## 2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Số môn học tự chọn còn hạn chế	Tăng cường, bổ sung các môn học tự chọn
Cựu sinh viên	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Giảm thiểu lý thuyết. Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các tín chỉ thực hành tăng lên
Học viên	Số môn học tự chọn còn hạn chế	Tăng cường các môn học tự chọn

## XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

### 1. Học phần Triết học

Học phần triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, mối quan hệ giữa triết học và khoa học, vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương thuyết trình, thảo luận, giao bài tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1 (mức độ cao) và 7, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### 2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy học ở kỳ học I của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng sư phạm y học để người học có đủ năng lực vận dụng tham gia vào hoạt động đào tạo tại đơn vị y tế theo quy định của Bộ Y tế. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, cầm tay chỉ việc, đóng vai và thực hành theo nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành theo

bảng kiểm và viết chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2 (mức độ trung bình) và chuẩn đầu ra 1,5,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **3. Học phần Giải phẫu đầu mặt cổ**

Học phần Giải phẫu Đầu mặt cổ thuộc khối kiến thức cơ sở, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về hình thái cấu trúc giải phẫu của các cơ quan, mạch, thần kinh của vùng Đầu Mặt cổ, các mốc giải phẫu bề mặt và một số đặc điểm lâm sàng, hỗ trợ cho người học trong học tập các môn học chuyên ngành sau này để áp dụng vào công tác chuyên môn trong thăm khám, chẩn đoán, xử trí và dự phòng bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và hướng dẫn tự học về các nội dung liên quan. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá các bài thực hành Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 4 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **4. Học phần Tai Mũi Họng**

Học phần Tai mũi họng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học II trong CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về những bệnh lý thường gặp trong chuyên ngành Tai Mũi Họng có liên quan với chuyên ngành Răng Hàm Mặt. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đi buồng, bình bệnh án. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, case study. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 4 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **5. Học phần Da liễu**

Học phần Da liễu thuộc khối kiến thức Cơ sở, được dạy - học ở kỳ học II của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng để phát hiện và phối hợp xử trí ban đầu một số bệnh da niêm mạc vùng hàm mặt. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp/ ca bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,4 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **6. Học phần Nha chu**

Học phần Nha chu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học III. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về việc điều trị, giảm thiểu và xử trí các tai biến có thể xảy ra trong quá trình điều trị các bệnh vùng quanh răng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận,

nghiên cứu tình huống lâm sàng và cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận và báo cáo chuyên đề, lượng giá chỉ tiêu lâm sàng, chăm bệnh án và thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### **7. Học phần Phục hình**

Học phần Phục hình thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học III của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp các kiến thức về phục hình răng cố định, phục hình trên implant, các cập nhật mới trong điều trị phục hình và cung cấp các kỹ năng thực hành hướng dẫn thiết kế và kỹ thuật phục hình răng trên người bệnh. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, báo cáo – thảo luận case lâm sàng, cầm tay chỉ việc và thực hiện chỉ tiêu lâm sàng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học gồm bài thi viết, báo cáo chuyên đề, lượng giá chỉ tiêu – bệnh án, thi lâm sàng tình huống và thi trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### **8. Học phần Chữa răng và nội nha**

Học phần Chữa răng và nội nha thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học IV trong chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về giải phẫu phức tạp hệ thống tủy răng, các phương pháp chẩn đoán và điều trị mới trong chữa răng và nội nha, trang bị cho người học kiến thức kỹ năng, thái độ thực hành nghề nghiệp chuyên sâu về chữa răng và nội nha. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, cầm tay chỉ việc, nghiên cứu tình huống lâm sàng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, lượng giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng, kỹ năng làm bệnh án, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### **9. Học phần Phẫu thuật hàm mặt**

Học phần Phẫu thuật hàm mặt thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học IV của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: giải phẫu vùng hàm mặt; triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý: Viêm nhiễm vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt; học phần này còn cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về các kỹ thuật tạo hình vùng hàm mặt. Hướng

dẫn cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý: Viêm nhiễm vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt, các kỹ thuật tạo vạt cơ bản. Xử trí các cấp cứu vùng hàm mặt. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, viết chuyên đề, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

#### **10. Học phần Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa**

Học phần Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học II của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về đọc phim và phân tích phim X - quang trong và ngoài miệng, phim sọ mặt thường quy, phim cắt lớp vi tính sọ mặt và phim CT - Conebeam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề, tiểu luận và đọc phim. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

#### **11. Học phần Răng trẻ em**

Học phần lâm sàng răng trẻ em, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học V của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức kỹ năng về khám, chẩn đoán, xử trí bệnh lý răng miệng thường gặp ở trẻ em (sâu răng, bệnh lý tủy răng, bệnh vùng quanh răng), phương pháp xử trí với trẻ em và điều trị bệnh răng miệng cho trẻ em đặc biệt trong nha khoa, giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của việc hiểu rõ sự khác biệt trong bệnh lý răng miệng ở trẻ em và coi trọng việc chăm sóc sức khỏe răng miệng cho trẻ em. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, cầm tay chỉ việc, nghiên cứu tình huống lâm sàng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, lượng giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng, kỹ năng làm bệnh án, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

#### **12. Học phần Nha cộng đồng**

Học phần nha cộng đồng thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở học kỳ thứ V. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về chương

trình nha học đường, các cơ sở lý luận và các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng thường gặp, các biện pháp quản lý và nâng cao sức khỏe răng miệng cho cộng đồng và các kỹ năng tiếp cận với cộng đồng, tổ chức, lập kế hoạch, khám, đánh giá tình trạng răng miệng cộng đồng theo WHO, chăm sóc răng miệng ban đầu cho cộng đồng, thực hành các hoạt động trong công tác nha học đường. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm MCQ, hướng dẫn theo bảng kiểm, giao bài tập tình huống, đóng vai, thảo luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### **13. Học phần Bệnh lý miệng**

Học phần bệnh lý miệng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học III của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về cách khám, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý: bệnh lý khớp thái dương hàm, bệnh hạch cổ mặt, khối u nang lạnh tính và ác tính vùng hàm mặt, bệnh lý tuyến nước bọt. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: kiểm tra thực hành trên người bệnh, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi tự luận và viết chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

### **14. Học phần Cấn khớp học**

Học phần Cấn khớp học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học IV của CTĐT. Học phần này gồm hai phần: phần lý thuyết sẽ trang bị cho người học những kiến thức về giải phẫu chức năng bộ máy nhai, các tham chiếu để phục hồi khớp cắn, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, cách điều trị rối loạn bộ máy nhai; phần thực hành sẽ trang bị cho người học về thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám người bệnh rối loạn bộ máy nhai, các phương pháp xác định tương quan trung tâm và điều chỉnh khớp cắn trên lâm sàng, lập được kế hoạch điều trị người bệnh có rối loạn khớp thái dương hàm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm đối với phần lý thuyết, phương pháp cầm tay chỉ việc đối với phần thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, case study. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

## **15. Học phần Phẫu thuật trong miệng**

Học phần phẫu thuật trong miệng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học III của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: nhổ răng khôn hàm dưới, các kỹ thuật phẫu thuật nhổ răng, phẫu thuật cắt cuống răng và hàn ngược, phẫu thuật hỗ trợ phục hình, các vùng an toàn trên mặt; Những vấn đề cơ bản về vật liệu và phương pháp cấy ghép cấy ghép nha khoa, hướng dẫn các kỹ thuật phẫu thuật nhổ răng khôn, phẫu thuật nhổ những chân răng khó và răng ngầm, phẫu thuật cắt cuống răng, phẫu thuật hỗ trợ phục hình. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận và viết chuyên đề, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chẩn bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

## **16. Học phần Chỉnh hình răng mặt**

Học phần chỉnh hình răng mặt thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học IV. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình tăng trưởng, phát triển sọ mặt và các loại hình sai lệch khớp cắn ở giai đoạn răng hỗn hợp, kiểm soát thói quen răng miệng xấu, lập kế hoạch kiểm soát thói quen răng miệng xấu, điều trị sai lệch khớp cắn ở giai đoạn răng hỗn hợp, sai khớp cắn do kém phát triển xương hàm trên hay xương hàm dưới. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, dạy học theo bảng kiểm, tình huống lâm sàng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm lượng giá chỉ tiêu lâm sàng, câu hỏi vấn đáp, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 6, 7 (mức độ cao) và 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

## **17. Ôn và thi tốt nghiệp**

Học phần thực tế tốt nghiệp bao gồm 7 môn chuyên ngành bắt buộc: Nha chu, Phục hình, Chữa răng và nội nha, Phẫu thuật hàm mặt, Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa, Răng trẻ em, Nha cộng đồng.

Người học được củng cố lại kiến thức lý thuyết cũng như kỹ năng thực hành tay nghề với nhiều chuyên ngành khác nhau. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đánh giá cao nhất trong học phần này. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thi lý thuyết bằng nghiên cứu ca bệnh, chủ đề, thi thực hành bằng thi báo cáo



chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 ở mức độ cao.

### XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Răng hàm mặt – Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên có 23 giảng viên cơ hữu, trong đó có 1 phó giáo sư – Tiến sĩ, 1 tiến sĩ, 2 bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Răng Hàm Mặt, 13 thạc sĩ được đào tạo trong và ngoài nước; các giảng viên còn lại đang hoàn thành chương trình học Thạc sĩ răng hàm mặt, dự định hoàn thành trong năm 2022.

Khoa RHM được bố trí tại khuôn viên của Trường với diện tích sử dụng khoảng 300 m<sup>2</sup> sàn, trong đó có 02 labo thực hành huấn luyện kỹ năng và phục hình răng giả (skill-lab); 02 phòng điều trị tiền lâm sàng và điều trị lâm sàng (khu khám chữa bệnh RHM); hai tiểu giảng đường dành riêng cho Khoa RHM và một Văn phòng Khoa. Khoa được trang bị các thiết bị máy móc chuyên dụng RHM để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và khám chữa bệnh (KCB) RHM.

Cơ sở thực hành của chuyên ngành Răng Hàm Mặt gồm có: các khoa Răng Hàm Mặt của Bệnh viện trường ĐH Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên với trang thiết bị được đầu tư hiện đại. Lượng người bệnh đến khám ngoại trú và điều trị nội trú đông, nhiều mặt bệnh.

### XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 05/11/2021

### XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	P. Trưởng khoa/ Bộ môn
1.	Chỉnh sửa mục tiêu và chuẩn đầu ra theo hướng dẫn ban hành kèm theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT	2/2022	<i>hanh</i> Nguyễn Nam Hà	<i>hanh</i> Nguyễn Nam Hà

### XVI. Thành phần phê duyệt

**Ban Giám hiệu**

**Hội đồng Khoa/Bộ môn**

**Tổ trưởng xây dựng/  
rà soát**



*hanh*  
Nguyễn Nam Hà

*hanh*  
Nguyễn Nam Hà

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHUYÊN KHOA I NGÀNH RĂNG HÀM MẶT**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2022**

